

**0 TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN THỚI LAI**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Bản án số: 231/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-9-2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông **Dương Thành Lực**.

2. Ông **Lý Hồng Hạnh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Phục Hưng** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lưu Kim Hồng T**, sinh năm 1992.

ĐKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Thái Minh P**, sinh năm 1993. Vắng mặt tại phiên tòa.

ĐKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Trong Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Chị Lưu Kim Hồng T trình bày: Chị và anh P qua tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và đã đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Anh chị chung sống với nhau có 02 con chung tên Thái Minh Đ (nam), sinh ngày 03/4/2012 và Thái Phương Nghi (nữ), sinh ngày 17/7/2015. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Quá trình chung giữa anh chị thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về mặt tiền bạc cũng như tình cảm vợ chồng. Mặc dù chị T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Thái Minh Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Phương Nghi vì cháu còn nhỏ và là bé gái chị trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn để chăm sóc cháu. Tài sản chung và nợ chung là không có.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh P, về con chung: chị T đồng ý giao cháu Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nghi đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Chị T có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: do bị đơn anh Thái Minh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P là phù hợp.

[3] Xét thấy giữa chị T và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau về kinh tế cũng như tình cảm. Mặc dù hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay chị T có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập hợp lệ đối với anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, nếu duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P.

[4] Về con chung: Anh chị chung sống với nhau có 02 con chung tên Thái Minh Đ (nam), sinh ngày 03/4/2012 và Thái Phương Nghi (nữ), sinh ngày 17/7/2015. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng nuôi cháu Nghi đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nghi còn nhỏ lại là bé gái, chị T làm công nhân cho công ty TNHH thủy sản SAVINA – Khu công nghiệp Trà Nóc 1, có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Nghi nên yêu cầu của chị T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nghi là có sở để chấp nhận. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Lưu Kim Hồng Thủy.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Kim Hồng T ly hôn với anh Thái Minh P.

- Về con chung: Giao cháu Thái Minh Đ (nam), sinh ngày 03/4/2012 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Thái Phương Nghi (nữ), sinh ngày 17/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không ai được cản trở chị T và anh P thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tách ra giải

quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 015505 ngày 25/02/2020 thành án phí xem như chị T đã nộp xong.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**Trần Thị Phương Anh**

